

Bản án số: 153/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2018
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 825/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2018/QĐXX-ST ngày 02/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1962; thường trú: Số 10A/8 khu phố T 1, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thu C, sinh năm 1968; thường trú: Số 10A/8 khu phố T 1, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/7/2018, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 10/8/2018, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Phạm Thị Thu C sau thời quen nhau thì tự nguyện về chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương) vào năm 1990 theo giấy chứng nhận kết hôn số 85/1990, quyền số 01 ngày 28/9/1990.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng cha mẹ ông T tại số nhà 10A/8 khu phố T 1, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Theo ông T khi cha mẹ ông T còn sống thì bà C có những lời lẽ thiếu tôn trọng cha mẹ chồng. Bà C còn cho rằng ông T có quan hệ với người phụ nữ khác, mặc

dù ông T đã nhiều lần giải thích nhưng bà C không tin nên buộc lòng ông phải thừa nhận cho yên âm gia đình. Ông T đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn với bà C và đã cho bà C nhiều cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm và nuôi dạy con chung nhưng bà C vẫn không thay đổi. Kể từ năm 2015 đến nay vợ chồng tuy vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân về mặt tình cảm, việc ai người đó làm, không còn ăn chung, ngủ chung và sinh hoạt chung nữa. Ông Nguyễn Minh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Thu C.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà C có 02 con chung tên Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/11/1992 và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 19/4/2003, hiện các con đang sống chung với ông T và bà C. Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 19/4/2003. Nếu Tòa án giao con chung là cháu T cho bà C nuôi dưỡng thì ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/11/1992 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung (nợ chung): Hiện nay vợ chồng đã thỏa thuận giải quyết xong nên ông Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Phạm Thị Thu C trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn ông Phạm Minh T về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống và con chung. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, bà C không thống nhất. Bà C xác định vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khoảng giữa năm 2015. Nguyên nhân là do ông T sống không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác ngoài hôn nhân. Bà C luôn giữ trọn đạo hiếu của người con dâu, làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ trong gia đình. Khi biết ông T có quan hệ với người phụ nữ khác thì bà và các con đã khuyên ông T nhiều lần nhưng ông T không những không thay đổi mà còn liên tục yêu cầu ly hôn với bà C. Thực tế, kể từ năm 2015 đến nay vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân về mặt tình cảm, mặc dù bà C muốn chăm sóc cho ông T nhưng ông T không đón nhận. Tuy nhiên, do vợ chồng đã có thời dài chung sống hạnh phúc, hiện các con đang tuổi trưởng thành, cần sự chăm sóc, dạy dỗ của cha mẹ nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 19/4/2003. Nếu Tòa án giao con chung là cháu T cho bà C nuôi dưỡng thì bà đồng ý nuôi con và không có ý kiến gì về cấp dưỡng, tùy ý chí của ông T về việc cấp dưỡng. Đối với con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/11/1992 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung) : Hiện nay vợ chồng đã thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Phạm Thị Thu C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương) theo giấy chứng nhận kết hôn số 85/1990, quyển số 01, ngày 28/9/1990, là quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Ông T và bà C xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2015 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn ông T và bà C khai không thống nhất, ông T thì cho rằng bà C không làm tròn bổn phận người vợ, còn bà C thì cho rằng ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Xét thấy, mặc dù giữa ông T và bà C không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai ông T và bà C đều thống nhất thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ năm 2015 đến nay vợ chồng tuy còn sống chung nhưng đã ly thân về mặt tình cảm, không còn ăn chung, ngủ chung, và không còn sinh hoạt chung.

Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, ông T xác định không còn tình cảm với bà C, vợ chồng không còn tin tưởng nhau vì vậy bản thân ông T cũng đã nhiều lần xin ly hôn với bà C. Đối với bà C xác định vẫn còn tình cảm với ông T, thừa nhận ông T đã nhiều lần xin ly hôn nhưng bà C không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn yêu thương chồng con nhưng kể từ khi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử không chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông T đến nay (bản án số 20/2017/HNGĐ-PT, ngày 28/9/2017), bà C không ai có hành động nào tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời ông T và bà C cũng thừa nhận tài sản chung của vợ chồng hai bên đã thỏa thuận chia xong, điều này chứng tỏ mâu thuẫn về tình cảm giữa ông T, bà C đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và cả hai đã không còn muốn tạo cơ hội cho nhau sống chung nhà để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, ông T yêu cầu được ly hôn với bà C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông T và bà C không ai có ý kiến yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 19/4/2003 về việc sống chung với cha hoặc mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nhưng cháu T không có ý kiến lựa chọn. Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc Anh T là con gái, đang tuổi trưởng thành cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, thực tế từ trước đến nay do bà Phạm Thị Thu C trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt nên có cơ sở giao cháu T cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Đối với con chung Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/11/1992 đã trưởng thành đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T và đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát về việc giải quyết vụ án.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Phạm Thị Thu C.

2. Về con chung: Buộc ông Nguyễn Minh T giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh T, sinh năm 19/4/2003 cho bà Phạm Thị Thu C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Anh T mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, bà Phạm Thị Thu C và ông Nguyễn Minh T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông Nguyễn Minh T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà Phạm Thị Thu C nuôi con thì bà Phạm Thị Thu C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019881 ngày 02/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 950.000 đồng tiền chênh lệch.

5. Án xử công khai, tuyên án có mặt ông Nguyễn Minh T và bà Phạm Thị Thu C.

6. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Hạnh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 31/3/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc và bà Nguyễn Hồng Gấm.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 1056/2016/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2016, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh Tài, sinh năm 1962; thường trú: Số 10A/8 khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Thu Cúc, sinh năm 1968; thường trú: Số 10A/8 khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá XII quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Tài đối với bà Phạm Thị Thu Cúc về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Tài được ly hôn với bà Phạm Thị Thu Cúc.

Về con chung: Buộc ông Nguyễn Minh Tài giao con chung tên Nguyễn Ngọc Anh Thy, sinh năm 19/4/2003 cho bà Phạm Thị Thu Cúc trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh Tài và bà Phạm Thị Thu Cúc không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau ly hôn, ông Nguyễn Minh Tài và bà Phạm Thị Thu Cúc đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Tài phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008676 ngày 28/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc vào hồi giờ phút, ngày 31/3/2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA